

Số: 145/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch, chính sách và giải pháp thực hiện
Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 9029/TTr-BNN-TL ngày 11 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch, chính sách và giải pháp thực hiện Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

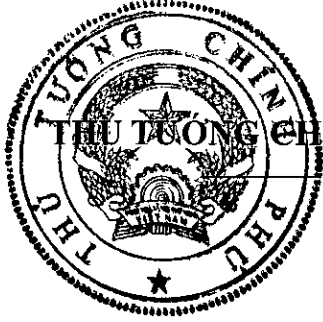
Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: CN, KTTH, QHĐP;
- Lưu: VT, NN (2b). Tuynh. 79

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Lưu Quang



KẾ HOẠCH, CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP
thực hiện Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 145/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai có hiệu quả Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng lộ trình, tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của quy hoạch.

- Xác định các nhiệm vụ, giải pháp, danh mục các dự án ưu tiên triển khai thực hiện theo từng giai đoạn từ nay đến năm 2030; xác định phương thức, nguồn lực, cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong triển khai thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo các công trình thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm khả thi, linh hoạt, liên kết, thống nhất, không mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, dự án của các ngành, địa phương; chú trọng tính đặc thù của lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai.

- Phù hợp với khả năng huy động nguồn lực của quốc gia, của ngành và nguồn lực ngoài ngân sách giai đoạn 2021 - 2030, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, 2026 - 2030; phù hợp với định hướng phát triển của ngành, đất nước.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về quy hoạch

- Tuyên truyền phổ biến nội dung Quy hoạch đến tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thủy lợi và phòng, chống thiên tai để phát huy vai trò giám sát của người dân, sự tham gia của các bên liên quan trong thực hiện Quy hoạch.

- Triển khai thực hiện cung cấp, lưu trữ hồ sơ Quy hoạch theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát định kỳ bảo đảm các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan, quy hoạch tỉnh phải tuân thủ các định hướng của Quy hoạch; báo cáo đánh giá việc thực hiện Quy hoạch theo định kỳ hàng năm, 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Kế hoạch lập, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành

- Thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản để cung cấp các số liệu phục vụ lập, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai.

- Tổ chức lập, trình phê duyệt quy hoạch thủy lợi (quy hoạch thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh; quy hoạch thủy lợi của hệ thống công trình thủy lợi liên quan từ 02 tỉnh trở lên), quy hoạch đê điều, quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê giai đoạn 2021 - 2030 theo quy định của pháp luật về quy hoạch và theo tinh thần Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021, số 64/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ; Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, nhằm cụ thể hoá Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi đã được phê duyệt.

- Bố trí đủ nguồn vốn cho công tác lập quy hoạch thủy lợi, quy hoạch đê điều, quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê từ nguồn kinh phí thường xuyên theo quy định hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2027.

3. Kế hoạch đầu tư các dự án

a) Nguyên tắc

- Thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 của Quy hoạch.

- Căn cứ mức vốn được giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương, phần còn lại tiếp tục huy động các nguồn vốn khác của địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

- Tiến độ, quy mô đầu tư các công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai trong Kế hoạch là dự kiến, tiến độ, quy mô cụ thể sẽ được xác định và phê duyệt trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư của các dự án.

b) Nội dung Kế hoạch

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiếp tục thực hiện đầu tư các dự án đã xác định nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; các dự án dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030 hoặc giai đoạn sau năm 2030 từ nguồn vốn đầu tư công và các nguồn khác ngoài đầu tư công, trong đó:

- Việc ưu tiên bố trí vốn cho các dự án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, trong đó ưu tiên thực hiện các dự án giai đoạn trước còn dở dang, chưa đồng bộ để phát huy hiệu quả; đầu tư các công trình lớn, phục vụ đa mục tiêu, có tác động liên vùng, liên tỉnh, gồm: (1) xây dựng mới các hồ chứa tiềm năng có dung tích lớn, khôi phục, cải tạo nâng cao dung tích các hồ chứa hiện có, (2) công trình kết nối, liên kết nguồn nước, điều tiết nguồn nước (nâng cao mực nước, điều tiết mặn, ngọt), (3) công trình kết hợp chống ngập úng cho các thành phố lớn, (4) các công trình đê điều, công trình chỉnh trị dòng chảy, bảo vệ bờ sông, bờ biển... để giải quyết các vấn đề cấp bách trong phòng, chống thiên tai và thủy lợi, nhất là tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, vùng thường xuyên chịu tác động hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, úng phớ với biến đổi khí hậu, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm an ninh nguồn nước.

- Thu hút nguồn vốn xã hội hoá, sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công đối với các dự án cơ sở hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai, nhất là công trình cấp nước sạch nông thôn, thủy lợi kết hợp thủy điện, du lịch, dịch vụ theo quy định.

Trường hợp cần thiết đầu tư sớm để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động bố trí được đầy đủ các nguồn lực để thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án đề xuất với cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận cho đầu tư giai đoạn sớm hơn so với kế hoạch.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương chịu trách nhiệm xem xét việc thực hiện các dự án, nhất là các dự án ưu tiên bảo đảm hiệu quả, khả thi theo đúng quy định và không để xảy ra thất thoát, lãng phí (danh mục các dự án ưu tiên chi tiết tại Phụ lục)

4. Dự kiến nhu cầu (kế hoạch) sử dụng đất

- Tổng nhu cầu sử dụng đất cho triển khai các giải pháp quy hoạch theo Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 khoảng 136.500 ha, trong đó nhu cầu đất xây dựng các công trình nâng cấp, sửa chữa là 34.000 ha và cho các công trình xây dựng mới là 102.500 ha.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành tiếp tục phối hợp với các địa phương và các cơ quan có liên quan rà soát nhu cầu sử dụng đất, phân kỳ đầu tư phù

hợp với tiêu chí sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng quy định.

5. Các nguồn lực để thực hiện quy hoạch

- Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để xây dựng các công trình có quy mô lớn, phục vụ đa mục tiêu, có tác động liên vùng, liên tỉnh, công trình đảm bảo an ninh nguồn nước, công trình tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng thường xuyên chịu tác động của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng; giải quyết các vấn đề cấp bách trong phòng, chống thiên tai và thủy lợi.

- Khuyến khích và huy động các nguồn xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư quản lý, vận hành, khai thác hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai.

III. CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng

- Cân đối ngân sách, bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai (nâng cấp, xây dựng mới các hồ thủy lợi, công trình tích trữ, tạo nguồn nước, điều tiết nguồn nước; các công trình liên kết, kết nối, chuyển nước, công trình điều tiết mặn, ngọt; các công trình đê điều, công trình chính trị, bảo vệ bờ sông, bờ biển...) theo lộ trình Quy hoạch đã được phê duyệt. Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương để bố trí nguồn lực thực hiện khả thi, hiệu quả các mục tiêu của Quy hoạch.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách và triển khai có hiệu quả chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; xây dựng cơ chế chính sách huy động nguồn lực ứng phó với thiên tai từ quỹ phòng, chống thiên tai để thu hút tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo quy hoạch.

- Tăng cường hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế, nhất là Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan, Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Quỹ Nhi đồng của Liên hợp quốc (UNICEF), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOIKA) để tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, thu hút nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai, cấp nước sinh hoạt nông thôn.

2. Phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi và phòng, chống thiên tai, nhất là trong công tác quản lý, khai thác, vận hành công trình thủy lợi, quản lý đê điều, ứng phó trước các tình huống thiên

tại; củng cố, kiện toàn các tổ chức thủy lợi cơ sở phù hợp với đặc thù của vùng, miền. Tăng cường hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế trong phát triển nguồn nhân lực thủy lợi, phòng, chống thiên tai.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực quản lý thủy lợi, phòng, chống thiên tai đảm bảo tính kế thừa, liên tục và chất lượng. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm. Tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham dự các khoá đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm quản lý tiên tiến tại các quốc gia có kinh nghiệm trong quản lý khai thác nguồn nước, quản lý rủi ro thiên tai.

3. Phát triển khoa học, công nghệ

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số, hạ tầng quản trị số, khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, thông minh vào quản lý, khai thác hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai; quan trắc công trình, kiểm tra, kiểm định, đánh giá, đề xuất các giải pháp, công cụ đánh giá an toàn đập, chủ động ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước, giảm thiểu ảnh hưởng của sự cố đập, hồ chứa đến hạ du; quan trắc, giám sát công trình đê điều, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, nguồn nước, số lượng nước, chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi...

- Triển khai nghiên cứu, phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo để sử dụng nước tiết kiệm; đẩy mạnh áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên diện rộng.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến để dự báo, đánh giá khả năng sinh thủy, đề xuất giải pháp phát triển, bảo vệ, nâng cao độ che phủ và chất lượng rừng để phủ xanh đất trống, đồi núi trọc nhằm tăng khả năng sinh thủy; bảo vệ và phát triển bền vững nguồn sinh thủy, các hệ sinh thái đất ngập nước quan trọng.

4. Bảo đảm an sinh xã hội

Ưu tiên đầu tư phát triển các công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai (hồ chứa, đập dâng, các tuyến chuyển nước, công trình cấp nước đa mục tiêu, các dự án tạo sinh kế, hệ thống đê sông, đê biển...) tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, vùng thường xuyên chịu tác động hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, ứng bảo đảm an sinh xã hội; bảo vệ, bảo tồn, phát huy các công trình văn hoá, du lịch.

5. Bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh bảo vệ môi trường trong đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác công trình, hệ thống công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai; ưu tiên các dự án (hồ chứa, đập dâng...) góp phần cải thiện môi trường sinh thái, tạo cảnh quan; áp dụng các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trong nông nghiệp, giảm phát thải khí nhà kính.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ trong bảo vệ môi trường nước trong các hệ thống thủy lợi, đặc biệt là các công nghệ phục vụ quan trắc, giám sát, kiểm soát chất lượng nước, quản lý, xử lý ô nhiễm nguồn nước.

- Kiểm soát chất lượng nước, quản lý, xử lý hiệu quả nguồn gây ô nhiễm, phục hồi nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi, nhất là các hệ thống thủy lợi đã và đang bị ô nhiễm như Bắc Hưng Hải, Sông Nhuệ, Bắc Đuống, một số hệ thống thủy lợi vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, xác định hạn ngạch xả nước thải, lộ trình giảm xả thải trên các sông, kênh thuộc hệ thống thủy lợi.

6. Bảo đảm nguồn tài chính

- Cân đối nguồn tài chính phù hợp để đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư, quản lý, vận hành công trình thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai theo quy hoạch. Thường xuyên rà soát, đánh giá thực tế nhu cầu phát triển hạ tầng từng khu vực để đề xuất, điều chỉnh danh mục ưu tiên đầu tư hợp lý, đảm bảo đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với khả năng bố trí nguồn lực.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp chặt chẽ trong việc cân đối, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét việc bố trí, sử dụng ngân sách hàng năm để thực hiện các nội dung theo Quy hoạch.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các địa phương và cơ quan liên quan vận động, thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách để tham gia đầu tư xây dựng các công trình phục vụ đa mục tiêu (có kết hợp phát triển thủy điện, du lịch, dịch vụ, cấp nước sinh hoạt...) nhằm đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư phát triển các dự án theo Quy hoạch được duyệt.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Chủ động và tích cực tham gia cùng cộng đồng quốc tế giải quyết những vấn đề liên quan đến chia sẻ nguồn nước; phối hợp xây dựng cơ chế hợp tác với các nước láng giềng và các nước trong khu vực để giải quyết vấn đề liên quan đến nguồn nước xuyên biên giới, đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia.

- Ưu tiên các công trình, dự án giải quyết các vấn đề cấp bách trong phòng, chống thiên tai và thủy lợi, kết hợp với công trình quốc phòng, an ninh tại các vùng biên giới, các đảo phục vụ sinh hoạt, sản xuất, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tổ chức công bố, cung cấp thông tin về Quy hoạch và lưu trữ hồ sơ Quy hoạch theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, địa phương tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai.

c) Chủ trì rà soát các quy định pháp luật chuyên ngành, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có), tạo điều kiện thuận lợi trong đầu tư, quản lý, khai thác, vận hành công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai; tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai.

d) Phối hợp các bộ, ngành, các địa phương, các tổ chức quốc tế nghiên cứu, huy động các nguồn lực phù hợp để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai, đồng bộ kết cấu hạ tầng liên ngành.

đ) Nghiên cứu cơ chế, chính sách đột phá trong huy động nguồn lực tổ chức thực hiện Quy hoạch; hoàn thiện cơ chế chính sách và triển khai có hiệu quả chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và cơ chế chính sách huy động nguồn lực ứng phó với thiên tai từ quỹ phòng, chống thiên tai để thúc đẩy đầu tư phát triển công trình phòng, chống thiên tai theo Quy hoạch.

e) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành đánh giá, kiểm tra thực hiện Quy hoạch theo định kỳ hàng năm, 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

g) Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để bố trí ngân sách trung hạn, tập trung bố trí vốn hàng năm cho các nhiệm vụ, dự án theo phân cấp và Quy hoạch được duyệt, đảm bảo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, quy hoạch.

h) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương triển khai công tác giải phóng mặt bằng; đánh giá tác động môi trường; thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, khai thác tài nguyên để phục vụ các dự án đầu tư xây dựng thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, tổng hợp, trình cơ quan có thẩm quyền bố trí các nguồn vốn cho dự án thuộc Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất, huy động các nguồn vốn khác đầu tư, xây dựng mới, nâng cấp hạ tầng thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Tài chính chủ trì tổng hợp đề xuất của các bộ, cơ quan liên quan, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn kinh tế sự nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác để đánh giá Quy hoạch, lập, thẩm định phê duyệt, công bố

và điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan đến thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quy hoạch và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Theo thẩm quyền phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành cơ chế chính sách trong bảo trì kết cấu hạ tầng thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu chính sách đặc thù về sử dụng đất đối với các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai; tổ chức đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo quy định, bảo đảm sử dụng tổng hợp nguồn nước, đa mục tiêu, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Bộ Giao thông vận tải phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình lập, triển khai thực hiện các quy hoạch trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường thủy và quy hoạch thủy lợi, phòng chống thiên tai, nhằm kết hợp đa mục tiêu, hạn chế các tác động tiêu cực khi xây dựng công trình giao thông và công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai (cầu kết hợp với cống, đường kết hợp với đê, bờ kênh, công trình chỉnh trị luồng kết hợp công trình chỉnh trị sông, phòng, chống sạt lở...).

6. Bộ Công Thương chỉ đạo các đơn vị có liên quan chấp hành nghiêm quy định trong vận hành, điều tiết các hồ thủy điện, bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn nước; phối hợp với các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường và cơ quan có liên quan rà soát sử dụng nước các hồ thủy điện phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất khi xảy ra hạn hán, thiếu nước.

7. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương rà soát có giải pháp bảo đảm tiêu thoát nước, chống ngập úng cho các thành phố, khu đô thị nhằm hoàn chỉnh hạ tầng tiêu, thoát nước, phòng, chống ngập úng từ nội đô ra ngoài. Chú trọng các giải pháp trữ nước, dành không gian cho nước, duy trì và phát triển hồ điều hòa phù hợp.

8. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức nghiên cứu, thử nghiệm, chuyên gia, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ số, hạ tầng quản trị số, khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, thông minh trong quy hoạch, thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai; ứng dụng khoa học công nghệ, vật liệu mới trong thiết kế, xây dựng công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai. Lồng ghép, triển khai các đề tài, chương trình khoa học và công nghệ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến để đầu tư, quản lý, vận hành, khai thác hiệu quả công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai, bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập và hồ chứa nước. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia không còn phù hợp thuộc lĩnh vực phòng chống thiên tai và thủy lợi theo thẩm quyền.

9. Bộ Công an chủ động nắm tình hình công tác quy hoạch, xây dựng, phát triển bền vững lĩnh vực phòng, chống thiên tai và thủy lợi; rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các phương án, kế hoạch công tác công an tham gia bảo đảm thực hiện Quy hoạch, nhất là liên quan đến các công trình quan trọng đặc biệt, công trình quan trọng liên quan an ninh quốc gia về nguồn nước, đập, hồ chứa nước. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan kiểm soát, xử lý lấn chiếm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, xả thải, ô nhiễm nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi; bảo vệ các hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt; quản lý chặt chẽ việc sử dụng bãi sông, xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ đê điều đảm bảo không gian thoát lũ; tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật... Phối hợp với các đơn vị chức năng thẩm định các chương trình, đề tài, dự án hợp tác quốc tế, đầu tư nước ngoài vào địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh; xử lý kịp thời các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự trong quá trình thực hiện các đề tài, dự án, chương trình thuộc Quy hoạch.

10. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Chủ động lồng ghép phương án phát triển thủy lợi, phòng, chống thiên tai trong quy hoạch tỉnh phù hợp với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Nghiên cứu, cụ thể phương án, giải pháp thực hiện mức đảm bảo phòng, chống lũ trong Quy hoạch để cập nhật vào Quy hoạch tỉnh.

c) Chủ động xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực (ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác), trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tập trung bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để triển khai các nhiệm vụ, dự án đầu tư công trình trên địa bàn thực hiện Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi theo phân cấp và các dự án thủy lợi, phòng, chống thiên tai tại quy hoạch tỉnh theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch, đầu tư, đầu tư công, ngân sách nhà nước, xây dựng và pháp luật khác có liên quan, đảm bảo đầu tư đồng bộ, khép kín, phát huy hiệu quả./.



Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN QUY HOẠCH
(Kèm theo Quyết định số 145/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Danh mục xây dựng mới, nâng cấp các hồ, đập

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
I	Xây dựng mới hồ chứa							
1	Hồ Nà Lạnh	Bắc Giang	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh			x	x	
2	Hồ Nghinh Tường	Thái Nguyên	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
3	Hồ Thượng Tiến	Hòa Bình	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
4	Hồ Phiêng Lùc	Lai Châu	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x		x	
5	Hệ thống trữ và cấp nước cho cao nguyên Mộc Châu	Sơn La	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	x
6	Hồ Tài Chi	Quảng Ninh	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
7	Hồ Cài - Thác Nhông	Quảng Ninh	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
8	Hồ Thác Muối	Nghệ An	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
9	Hồ Trại Dơi	Hà Tĩnh	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
10	Khe Đá	Quảng Bình	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
11	Hồ Châu Giang	Quảng Bình	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
12	Hồ Khe Mước, đập Bến Than	Quảng Trị	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
13	Hồ Sông Nhùng	Quảng Trị	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
14	Hồ Bến Đá	Quảng Trị	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
15	Hồ Ô Lâu Thượng	Thừa Thiên Huế	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
16	Hồ Thủy Cam	Thừa Thiên Huế	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
17	Hồ sông Côn, đập hạ lưu sông Côn	Quảng Nam	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
18	Hồ Trường Đồng	Quảng Nam	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
19	Hồ Thượng sông Vệ, đập hạ lưu sông Vệ	Quảng Ngãi	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
20	Hồ Đồng Điền	Khánh Hòa	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
21	Hồ La Ngà 3	Bình Thuận	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x	x	x	x
22	Hồ Ka Pét	Bình Thuận	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
23	Hồ Tân Lê	Bình Thuận	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
24	Hồ Cà Tót	Bình Thuận	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
25	Hồ Sông Tom	Bình Thuận	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
26	Hồ Ia Thul	Gia Lai	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
27	Hồ Krông Năng	Đắk Lắk	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
28	Hồ Ea Khal	Đắk Lắk	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
29	Hồ Đắk Gang	Đắk Nông	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
30	Hồ Ta Hoét	Lâm Đồng	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
31	Hồ Cây Chanh	Bình Dương - Đồng Nai	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	x
32	Hồ Sông Ray 2	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	x
II	Nâng cao dung tích hồ chứa							
1	Hồ Sông Sào	Nghệ An	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
2	Hồ Sông Rác	Hà Tĩnh	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
3	Hồ Vực Tròn	Quảng Bình	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	x
4	Hồ Phú Ninh	Quảng Nam	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
5	Hồ Núi Ngang	Quảng Ngãi	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
6	Hồ Định Bình	Bình Định	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
7	Hồ Đá Bàn	Khánh Hòa	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
8	Hồ Phú Xuân	Phú Yên	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
III	Công trình khắc phục hạ thấp mực nước							
1	Đập Xuân Quan	Hưng Yên	Bộ NN và PTNT/các Bộ: Giao thông vận tải, TN&MT, UBND tỉnh	x	x		x	
2	Đập Long Từ	Hà Nội, Bắc Ninh	Bộ NN và PTNT/các Bộ: Giao thông vận tải, TN&MT, UBND thành phố, UBND tỉnh	x	x		x	
3	Đập Cẩm Hoàng	Thanh Hóa	Bộ NN và PTNT/các Bộ: Giao thông vận tải, TN&MT, UBND tỉnh	x	x		x	
4	Đập Sông Lam	Nghệ An, Hà Tĩnh	Bộ NN và PTNT/các Bộ: Giao thông vận tải, TN&MT, UBND các tỉnh	x	x		x	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
5	Công trình điều tiết nguồn nước và chỉnh trị sông Quảng Huế	Quảng Nam, Đà Nẵng	Bộ NN và PTNT/ UBND các tỉnh	x	x		x	
6	Đập Vĩnh Điện	Quảng Nam	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	

2. Danh mục tuyến kết nối, điều hòa, chuyển nước

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
1	Tuyến kết nối hồ Cẩm Sơn và hồ Khuôn Thần chuyển nước cho vùng cây ăn quả Lục Ngạn	Bắc Giang	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
2	Tuyến hồ Cửa Đạt tưới vùng ven đường Hồ Chí Minh	Thanh Hóa	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
3	Tuyến chuyển nước hồ Rào Trỏ - hồ Vực Tròn cấp nước khu kinh tế ven biển phía Bắc tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	x
4	Tuyến chuyển nước hồ Ô Lâu Thượng - hồ Hòa Mỹ cấp nước cho vùng cát Phong Điền	Thừa Thiên Huế	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
5	Tuyến chuyển nước từ hồ Thượng sông Vệ - hồ Núi Ngang cấp nước cho lưu vực sông Trà Cầu	Quảng Ngãi	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x		x	
6	Tuyến chuyển nước từ hồ thượng sông Vệ - hồ Đồng Mít cấp nước cho vùng Phù Mỹ, Phù Cát	Quảng Ngãi, Bình Định	Bộ NN và PTNT/ UBND các tỉnh		x		x	
7	Tuyến chuyển nước từ hồ Định Bình - hồ Hội Sơn - hồ Hội Khánh	Bình Định	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x		x	
8	Tuyến dẫn nước hồ sông Chò 1 cho khu tưới dọc tuyến, bổ sung nước hồ Suối Dầu, hồ Cam Ranh	Khánh Hòa	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x		x	
9	Tuyến kết nối, chuyển nước từ hồ sông Than cấp nước phía Nam tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
10	Tuyến kết nối hồ Sông Cái - Sông Sắt cấp nước khu vực phía Bắc tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
11	Hệ thống chuyển nước Tân Mỹ - Bà Râu - Sông Trâu - Cho Mo - Suối Trâu	Ninh Thuận	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
12	Tuyến chuyển nước từ hồ La Ngà 3 cấp nước khu vực phía Nam tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
13	Hệ thống Đăk Akôi - Đăk Pokei - Đăk Pokei B	Kon Tum	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
14	Hệ thống đập Thượng Ayun - hồ Đăk Ptó	Gia Lai	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh		x	x	x	
15	Kết nối, chuyển nước giữa các hệ thống thủy lợi Bảo Định - Gò Công - Tân Trụ	Tiền Giang, Long An	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	

3. Danh mục nâng cấp các hệ thống thủy lợi

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
1	Hệ thống Pa Khoang - Nậm Rốm	Điện Biên	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
2	Hệ thống Thác Huống	Thái Nguyên, Bắc Giang	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
3	Hệ thống Cầu Sơn - Cẩm Sơn	Bắc Giang, Lạng Sơn	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
4	Hệ thống Bắc Hưng Hải	Hung Yên, Hải Dương, Hà Nội, Bắc Ninh	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
5	Hệ thống Bắc Nam Hà	Hà Nam, Nam Định	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
6	Hệ thống Bắc Đuống	Bắc Ninh	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
7	Hệ thống Liên Sơn - Bạch Hạc	Vĩnh Phúc, Hà Nội	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh, thành phố	x	x		x	
8	Hệ thống Áp Bắc - Nam Hồng	Hà Nội	Bộ NN và PTNT/ UBND thành phố	x	x		x	
9	Hệ thống Sông Nhuệ	Hà Nội	Bộ NN và PTNT/ Bộ Xây dựng/ UBND thành phố	x	x		x	
10	Hệ thống Phù Sa (trạm bơm đầu mối)	Hà Nội	Bộ NN và PTNT/ UBND thành phố	x	x		x	
11	Hệ thống Đa Độ, An Kim Hải	Hải Phòng	Bộ NN và PTNT/ Bộ Xây dựng/ UBND thành phố	x	x		x	
12	Cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình chuyển nước vào sông Đáy phục vụ đa mục tiêu	Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình	Bộ NN và PTNT/ UBND các tỉnh, thành phố			x	x	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
13	Hệ thống Bái Thượng	Thanh Hóa	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
14	Hệ thống Đô Lương	Nghệ An	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
15	Hệ thống Nam Hưng Nghi	Nghệ An	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
16	Hệ thống Kè Gõ	Hà Tĩnh	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
17	Hệ thống Nam Thạch Hãn	Quảng Trị	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
18	Hệ thống An Trạch - Thanh Quýt - Bầu Nít - Hà Thanh	Quảng Nam - Đà Nẵng	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
19	Hệ thống Tân An - Đập Đá	Bình Định	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
20	Hệ thống Đồng Cam	Phú Yên	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
21	Hệ thống Nha Trinh - Lâm Cẩm	Ninh Thuận	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
22	Hệ thống Ayun Hạ	Gia Lai	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
23	Hệ thống Dầu Tiếng - Phước Hòa	Tây Ninh	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
24	Hệ thống Nhật Tảo - Tân Trụ	Long An	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
25	Hệ thống Bảo Định	Tiền Giang, Long An	Bộ NN và PTNT/ UBND các tỉnh	x	x		x	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
26	Hệ thống Gò Công	Tiền Giang	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
27	Hệ thống Bắc Bến Tre	Bến Tre	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
28	Hệ thống Nam Bến Tre	Bến Tre	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
29	Hệ thống Nam Măng Thít	Vĩnh Long, Trà Vinh	Bộ NN và PTNT/ UBND các tỉnh	x	x		x	
30	Hệ thống Quản Lộ - Phụng Hiệp	Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau	Bộ NN và PTNT/ UBND các tỉnh	x	x		x	
31	Hệ thống Ô Môn - Xà No	Cần Thơ, Kiên Giang, Hậu Giang	Bộ NN và PTNT/ UBND các tỉnh	x	x		x	

4. Danh mục công trình cấp nước, kiểm soát lũ vùng đồng bằng sông Cửu Long

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
1	Hệ thống điều tiết, bổ sung nguồn nước cho vùng Nam QL1A tỉnh Bạc Liêu	Bạc Liêu	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
2	Hệ thống công trình chuyên nước Bán đảo Cà Mau	Cà Mau	Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh	x	x		x	
3	Công trình kiểm soát nguồn nước cửa sông Vàm Cỏ	Long An	Bộ NN và PTNT/ Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh		x	x	x	
4	Công trình kiểm soát nguồn nước cửa sông Hàm Luông	Bến Tre	Bộ NN và PTNT/ Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh		x	x	x	
5	Hệ thống công đầu kênh kiểm soát nguồn nước dọc sông Hậu (Cái Cau; Cái Trâm; Rạch Vợp; Xóm Đông - Rạch Nho; Trà Éch; Rạch Mọt; Saintard...)	Dọc sông Hậu	Bộ NN và PTNT/Bộ Giao thông vận tải, UBND các tỉnh	x	x		x	
6	Hệ thống công đầu kênh kiểm soát nguồn nước dọc sông Tiền (Nguyễn Tấn Thành; Rạch Gầm; Ông Mười; Mù U; Trà Tân; Ba Rài...)	Dọc sông Tiền	Bộ NN và PTNT/Bộ Giao thông vận tải, UBND các tỉnh	x	x		x	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
7	Các công đoạn sông Hậu vùng Tứ giác Long Xuyên (Kênh Đào, Cần Tháo, Tri Tôn, Mười Châu Phú, Ba Thê, Chấn Năng Gù, Mạc Cần Dung, Chấn Cà Đao, Long Xuyên, Kênh Tròn...)	An Giang	Bộ NN và PTNT/Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh			x	x	
8	Các công đoạn sông Tiền vùng Đồng Tháp Mười (Hồng Ngự, An Bình, Đồng Tiến...)	Đồng Tháp	Bộ NN và PTNT/Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh			x	x	
9	Hệ thống kiểm soát lũ tràn biên giới vùng Đồng Tháp Mười (tràn Trà Đư 1, Trà Đư 2, Trung Tâm 1, Trung Tâm 2...)	Đồng Tháp	Bộ NN và PTNT/UBND tỉnh			x	x	
10	Các công đoạn sông Hậu vùng Tây sông Hậu (Bò Ót, Thốt Nốt, Cần Thơ Bé, Tham Rom, Ngã Cái, Ô Môn, Rạch Vàm, Đất Mới, Trà Nóc, Bình Thủy, Cần Thơ...)	Cần Thơ	Bộ NN và PTNT/Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh			x	x	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
11	Nạo vét hệ thống kênh trục (Chắc Cà Dao, Chắc Năng Gù, Mạc Cần Dung, Tròn, Đòn Dong, Mười Châu Phú, Kênh Đào, Cần Tháo, Tám Ngàn, Ba Thê, Rạch Giá Long Xuyên, các kênh KH, Trâm Bầu, Thốt Nốt, 2/9, Kháng Chiến, Bình Thành, Hồng Ngự, Anh Bình, Đông Tiến - Dương Văn Dương - Lagrange, An Phong- Mỹ Hòa, Nguyễn Văn Tiếp...)	Đồng Tháp, Long An, An Giang, Kiên Giang	Bộ NN và PTNT/Bộ Giao thông vận tải, UBND các tỉnh	x	x		x	

5. Danh mục đầu tư công trình đê sông, biển, phòng chống xói lở và cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông thôn

TT	Dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
I	Công trình đê điều; phòng chống xói lở bờ sông, bờ biển							

TT	Dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 -2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
1	Đầu tư công trình chỉnh trị, phòng chống xói lở bờ sông, bờ biển	Các sông lớn và các khu vực bờ biển bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng quan trọng	Bộ NN và PTNT/Bộ Giao thông vận tải, UBND các tỉnh, thành phố	x	x	x	x	
2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống đê sông	Các lưu vực sông có đê, các khu vực bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng quan trọng	Bộ NN và PTNT/Bộ Giao thông vận tải, UBND các tỉnh, thành phố	x	x	x	x	
3	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển, đê cửa sông	Các tỉnh ven biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang	Bộ NN và PTNT/Bộ Giao thông vận tải, UBND các tỉnh, thành phố	x	x	x	x	x
II	Công trình cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông thôn							
1	Đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn và các vùng đặc biệt khó khăn	Các vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn về nguồn nước sinh hoạt	UBND các tỉnh/ Bộ NN và PTNT	x	x	x	x	x
2	Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và hệ thống thủy lợi phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên các đảo	Các đảo, huyện đảo Vân Đồn, Cát Bà, Bạch Long Vỹ, Phú Quý, Lý Sơn, Phú Quốc, Côn Đảo	Bộ NN và PTNT/ UBND các tỉnh	x	x	x	x	x

TT	Dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
3	Đầu tư xây dựng các hồ chứa nhỏ, phân tán	Các vùng miền núi, vùng khan hiếm nước thuộc trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long	Bộ NN và PTNT/ UBND các tỉnh	x	x	x	x	x

6. Danh mục các giải pháp phi công trình

TT	Tên hoạt động	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
1	Duy trì, bảo vệ, phát triển và nâng cao chất lượng rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng ngập mặn, cây chắn sóng vùng cửa sông, ven biển	Toàn quốc	Bộ NN và PTNT/ UBND các tỉnh	x	x		x	x

TT	Tên hoạt động	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
2	Kiểm soát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, bổ sung nguồn nước nhằm pha loãng, cải thiện tình trạng ô nhiễm nguồn nước phục vụ sản xuất của các hệ thống thủy lợi hiện nay	Toàn quốc	Bộ NN và PTNT/ Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND các tỉnh	x	x		x	
3	Xây dựng kế hoạch sử dụng nước, dự báo nguồn nước phục vụ sản xuất, dân sinh; bố trí cơ cấu sản xuất, chuyển dịch thời vụ phù hợp với điều kiện nguồn nước	Toàn quốc	Bộ NN và PTNT/ Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND các tỉnh	x	x		x	
4	Nghiên cứu thu, trữ, xử lý, tái sử dụng nước; khai thác, bổ cập, bảo vệ nguồn nước dưới đất trên các đảo để cấp nước cho sinh hoạt, du lịch, dịch vụ, đẩy mạnh phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên các đảo có đông cư dân sinh sống	Toàn quốc	Bộ NN và PTNT/ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND các tỉnh	x	x		x	

TT	Tên hoạt động	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
5	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả	Toàn quốc	Bộ NN và PTNT/ UBND các tỉnh	x	x		x	
6	Nghiên cứu, tiến tới thành lập tổ chức khai thác công trình thủy lợi theo hướng cung cấp dịch vụ đa dạng, tự chủ tài chính	Toàn quốc	Bộ NN và PTNT/ UBND các tỉnh	x	x		x	x

Ghi chú: Vị trí, quy mô, nhiệm vụ của các công trình, dự án tại Phụ lục sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong quá trình lập, phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.